TAND HUYỆN THIỆU HOÁ
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 34/2019/HNGĐ - ST
Ngày 29/10 /2019.
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HOÁ, TỈNH THANH HÓA
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn.
2. Ông Lê Ngọc Hưng.
Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị Quy, Thư ký Toà án Thiệu Hóa.

Mở phiên tòa tại trụ sở Tòa án vào ngày 29 tháng 10 năm 2019 để xét xử công khai sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số 144/2019/HNGĐ - TLST ngày 16 tháng 09 năm 2019 về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐST/HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê văn H, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Thôn Xử Nhân 2, xã Thiệu D, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V, Sinh năm 1992.
Địa chỉ: Thôn Xử Nhân 2, xã Thiệu D, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn viết ngày 05 tháng 08 năm 2019 và bản tự khai tại Toà án nguyên đơn là anh Lê Văn H trình bầy:

Anh và chị Nguyễn Thị V xây dựng gia đình với nhau trên sự tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Đăng ký kết hôn ngày 05/9/2016 tại UBND xã Thiệu D, huyện Thiệu hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xúc phạm lẫn nhau, không tôn trọng nhau, cuộc sống không hạnh phúc nên vợ chồng đã không còn quan tâm nhau từ tháng 11năm 2018.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung với nhau cháu là Lê Phương Tú Anh sinh ngày 27/10/2017. Ly hôn nguyện vọng của anh H xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tú Anh cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/9/2019 bị đơn là chị Nguyễn Thị V trình bày :

Chị và anh Lê Văn H đăng kết hôn ngày 05/9/2016 tại UBND xã Thiệu D, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xúc phạm lẫn nhau, cuộc sống không hạnh phúc nên không còn quan tâm nhau từ tháng 11năm 2018 cho đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được anh H làm đơn xin ly hôn chị, chị cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung với nhau cháu là Lê Phương Tú Anh sinh ngày 27/10/2017 hiện nay cháu ở cùng anh H. Do hiện nay chị không có công việc ổn định, không có thu nhập nên chị chưa đủ điều kiện nuôi con, vì vậy chị nhất trí giao cháu Lê Phương Tú Anh cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh H không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, chị V cũng nhất trí.

Về tài sản: Chị V không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 27/9/2019 Lê Văn H và chị Nguyễn Thị V thống nhất thuận tình ly hôn cùng đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn cho anh, chị. Về con chung hai bên thống nhất giao cháu Lê Phương Tú Anh cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu trưởng thành, chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Về tài sản anh H, chị V không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngày 27/09/2019 Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận việc nuôi con cũng như việc không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản của anh, chị như quan điểm của anh chị nêu trên.

Ngày 03/10/2019 chị Nguyễn Thị V xin thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đã được tòa án lập ngày 27/09/2019, chị V xin được trực tiếp nuôi cháu Lê Phương Tú Anh và yêu cầu anh H phải đóng góp nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Lê Văn H vẫn giữ nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tú Anh cho đến khi cháu trưởng thành và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Tại phiên tòa anh H có quan điểm, nếu không được trực tiếp nuôi con, về đóng góp nuôi con chung anh chỉ có thể đóng góp từ 500.000đ đến 700.000đ hơn thì không đủ khả năng với lý do anh là lao động tự do thu nhập không cao không ổn định nên không thể đáp ứng yêu cầu của chị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra tại phiên toà căn cứ kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện các chứng cứ, nghe các đương sự trình bầy quan điểm sau cùng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị V xây dựng gia đình với nhau, trên sự tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo hộ.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian, do tính tình không hợp bất đồng quan điểm dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, từ đó vợ chồng thiếu lòng tin về nhau, hai bên không cùng nhau chia sẻ khó khăn trong cuộc sống dẫn đến không còn quan tâm nhau nữa, cuộc sống của ai người đó tự lo, tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Quá trình giải quyết vụ án Anh H, chị V đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được cả hai anh, chị đều đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn cho anh chị.

Vì vậy áp dụng điều 55 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị V.

[2]Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung với nhau là Lê Phương Tú Anh, sinh ngày 27/10/2017. Chị V, anh H đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con khi ly hôn, quan điểm của anh H không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, chị V yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ(Hai triệu đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung thì thấy:

Ly hôn cả hai anh, chị đều xin được trực tiếp nuôi con, nguyện vọng của anh, chị hoàn toàn chính đáng. Song do cháu Lê Phương Tú Anh còn bé, cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, mặt khác cháu lại là con gái nên rất cần thiết sự chăm sóc của người mẹ, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu nên giao cháu cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp.

Viêc cấp dưỡng nuôi con chung chị V yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ đến khi cháu đủ 18 tuổi, mức yêu cầu cấp dưỡng chị V đề nghị là cao so với mức thu nhập của anh H với lý do anh H chỉ là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Vì vậy chỉ chấp nhận và giao trách nhiệm cho anh H đóng góp nuôi co chung cùng chị V 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) trên tháng là phù hợp.

[3] Về tài sản: Anh H, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết miễn xét.

[4] Về án phí: Anh H là nguyên đơn trong vụ án, là người phải cấp dưỡng nuôi con, nên anh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đìnhViệt Nam năm 2014, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.Điểm 1.1,

tiểu mục 1. Mục II phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị Quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị V.

Về con chung: Giao cháu Lê Phương Tú Anh, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Lê Văn H có nghĩa vụ đóng góp nuôi cháu Lê Phương Tú Anh cùng chị V mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng), cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H được quyền đi lại chăm sóc con chung, chị V không được ngăn cấm cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án là 5 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Anh Lê Văn H phải nộp 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Tiền tạm ứng án phí là 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) anh H đã nộp tại biên lai số AA/2017/0005576 ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa được trừ vào án phí .

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bên đương sự. Tuyên bố cho các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

<u>Nơi nhận</u>:
- VKS Thiệu Hoá
- Các đương sự
- Thi hành án DS Thiệu hóa
- UBND nơi các đương sự làm thủ tục đăng ký kết hôn
- Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

T/M. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán

Lê văn Hà